

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DSST
Ngày: 16-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Châm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài;

Ông Lê Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Minh Châu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông Đặng Văn Thi-Thư ký.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã H T: Ông Nguyễn Phước Thành-Thư ký.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công vụ án thụ lý số: 48/TLST-DS ngày 20-10-2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-DS ngày 28-6-2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1976 và ông Thạch K, sinh năm 1973 (Khon K); Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện T C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Thạch Thị Ánh N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp C, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
5. Chị Thạch Thị C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
6. Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
7. Bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
9. Chị Sơn Thị Hoàng L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
10. Chị Thạch Thị X, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
11. Chị Lâm Thị C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp G T, xã T N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);
12. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 01/5/2019, bà có tổ chức khui 14 dây hụi (từ dây số 04 đến 17), bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh (danh sách tên Khon K) tham gia 14 dây; hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 5.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà có giao danh sách hụi viên cho tất cả hụi viên tham gia theo dõi, mỗi dây có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, 01 tháng khui 01 lần, sau khi khui hụi bà có trách nhiệm gom tiền của hụi viên rồi giao cho người trúng thăm hốt hụi. Tất cả 14 dây hụi bà tổ chức khui đến lần thứ 13, còn lại 03 lần khui mới mãn hụi, cụ thể từng dây hụi bà S, ông K tham gia và bỏ thăm hốt hụi như sau:

Dây 4: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 06 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 07 Bà S, ông K bỏ thăm 2.990.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 46.590.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 6.030.000 đồng.

Dây 5: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 07 Bà S, ông K đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 08 Bà S, ông K bỏ thăm 3.090.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, tiền hội Bà S, ông K được nhận bằng 48.780.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hội Bà S, ông K đóng hội chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hội, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 5.730.000 đồng.

Dây 6: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khai hội thứ 01 Bà S, ông K đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 02 Bà S, ông K bỏ thăm 2.400.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, tiền hội Bà S, ông K được nhận bằng 39.900.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hội Bà S, ông K đóng hội chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hội, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 7.800.000 đồng.

Dây 7: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 1 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 08 Bà S, ông K đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 09 Bà S, ông K bỏ thăm 3.400.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, tiền hội Bà S, ông K được nhận bằng 49.700.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hội Bà S, ông K đóng hội chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hội, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 4.800.000 đồng.

Dây 8: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 07 Bà S, ông K đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 08 Bà S, ông K bỏ thăm 3.250.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, tiền hội Bà S, ông K được nhận bằng 47.500.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hội Bà S, ông K đóng hội chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hội, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 5.250.000 đồng.

Dây 9: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 07 Bà S, ông K đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 08 Bà S, ông K bỏ thăm 3.250.000 đồng là người trúng thăm hốt hội, tiền hội Bà S, ông K được nhận bằng 47.500.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hội Bà S, ông K đóng hội chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hội, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hội đã nhận bằng 5.250.000 đồng.

Dây 10: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến thứ 09 Bà S, ông K đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 10 Bà S, ông K

bỏ thăm 3.360.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 53.340.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.920.000 đồng.

Dây 11: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 08 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 09 Bà S, ông K bỏ thăm 3.490.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 40.070.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.530.000 đồng.

Dây 12: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 05 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 06 Bà S, ông K bỏ thăm 2.280.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 53.340.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 6.600.000 đồng.

Dây 13: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 06 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 07 Bà S, ông K bỏ thăm 2.990.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 46.590.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 6.030.000 đồng.

Dây 14: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 02 Bà S, ông K bỏ thăm 2.420.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 39.620.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.740.000 đồng.

Dây 15: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 04 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 05 Bà S, ông K bỏ thăm 2.600.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 44.900.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 7.200.000 đồng.

Dây 16: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 05 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 06 Bà S, ông K bỏ thăm 2.790.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 45.600.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 6.630.000 đồng.

Dây 17: Bà S, ông K (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 08 Bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 09 Bà S, ông K bỏ thăm 3.510.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi Bà S, ông K được nhận bằng 48.930.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho Bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi Bà S, ông K đóng hụi chết đến lần thứ 13;

Ở lần thứ 14 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.470.000 đồng.

Bà Trần Thị H yêu cầu ông Thạch K và bà Thạch Thị S cùng có trách nhiệm trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 82.980.000 đồng (dây hụi số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17), không yêu cầu tính lãi;

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Thạch Thị S và ông Thạch K không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án có lập biên bản về việc không tiến hành lấy lời khai được đối với Bà S và ông K ở các dây hụi trên, nên không xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến trình bày: Ngày 01/5/2019, bà Trần Thị H (10 D) có tổ chức khui 14 dây hụi (từ dây 04 đến 17), loại hụi 5.000.000 đồng, có 16 phần, bà H úp hụi ở lần khui thứ 13, còn lại 03 lần khui mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên có tính toán tiền hụi sống ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện bà H chung vụ kiện này, mọi người cùng thống nhất để cho bà H khởi kiện Bà S, ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 14 danh sách hụi viên loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 01/5/2019 (photo); chứng minh nhân dân tên Trần Thị H (photo); các biên nhận tính tiền hụi giữa chủ hụi với hụi viên (photo); Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã

chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.
2. Buộc ông Thạch K và bà Thạch Thị Sơn cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 82.980.000 đồng (dây hụi số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17); Bà Trần Thị H không yêu cầu tính lãi;
3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Chị Thạch Thị Ánh N, chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H, chị Thạch Thị C, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị T, chị Sơn Thị Hoàng L, chị Thạch Thị X, chị Lâm Thị C, bà Thạch Thị S, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Thạch Thị S, ông Thạch K và bà Sơn Thị Sa R vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Trần Thị H yêu cầu ông Thạch K và bà Thạch Thị S cùng có trách nhiệm trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 82.980.000 đồng (dây hụi số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17), không yêu cầu tính lãi;

[3]. Đối với bà Thạch Thị S và ông Thạch K mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với bà H, quá trình giải quyết Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà H nộp khởi kiện gồm: Đơn khởi kiện, 14 danh sách hụi viên (dây số 04 đến 17) thể hiện ông, bà là hụi viên tên (Khon K) có tham gia 14 dây hụi trên và những chứng cứ khác có liên quan đến ông, bà có ý kiến hoặc phản bác về nội dung mà nguyên đơn bà H nộp khởi kiện. Qua làm việc bà Thạch Thị S với ông Thạch K không có ý kiến phản bác về nội dung bà H khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Hụi viên còn hụi sống ở 14 dây hụi trên cùng có ý kiến thống nhất vào ngày 01/5/2019, bà Trần Thị H (10 D) có tổ chức khai 14 dây hụi (dây 04 đến 17), loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây có 16 phần, bà H úp hụi ở lần khai thứ 13,

còn lại 03 lần khai nữa mới mãn hạn. Sau khi úp hạn chủ hạn và hạn viên đã tính toán cản trừ 03 lần tiền hạn sống ở các dây hạn trên xong, không có ai khởi kiện bà H chung cùng vụ liên này, mọi người cùng thống nhất để cho bà H khởi kiện Bà S, ông K.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch K phải chịu theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Trần Thị H không phải chịu án phí.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hạn biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

2. Buộc ông Thạch K và bà Thạch Thị S cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 03 lần tiền hạn đã nhận bằng 82.980.000 đồng (dây hạn số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17); Bà Trần Thị H không yêu cầu tính lãi;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch K phải chịu 4.149.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 2.074.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0017098 ngày 18-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Trần Thị H.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Bài –Lê Thanh Bình Dương Thị Mỹ Châm